

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 17/8/2017

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn, yêu cầu
nuôi con và chia tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:** Bà Danh Thị Kiều Oanh

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Thanh Tùng

2. Ông Danh Út Nhỏ

- **Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà **Vũ Ngọc Bé** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao không tham gia phiên tòa.**

Ngày 17 tháng 8 năm 2017. Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đ- a ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 203/2017/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017 về việc “*Tranh chấp về ly hôn, yêu cầu nuôi con và chia tài sản*” Theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 39/2017/QĐXX - ST ngày 07/8/2017, giữa các đ- ong sự:

Nguyên đơn: Chị Thị H – Sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: Anh Danh Đ – Sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang

(các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 28/6/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Thị H trình bày nh- sau:

Vào ngày 01/3/2012 chị H kết hôn cùng với anh Danh Đ, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh F.

Vợ chồng chị sống hạnh phúc được gần 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị bị bệnh chồng chị không chăm sóc và lo lắng tiền bạc gì hết mà bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, chị có kêu nhiều lần về làm ăn nhưng chồng chị không chịu về nên vợ chồng đã tự ly thân 3 năm nay. Nay chị xét thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên làm đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Danh Đ.

Quá trình sống chung chị và anh Đ có một người con chung tên Danh Thị Bé N, sinh ngày 28/8/2013 hiện nay chị đang trực tiếp nuôi dưỡng.

Tài sản chung: Sau khi cưới vợ chồng chị sống bên cha mẹ chị, bên cha mẹ chị và cha mẹ chồng mỗi bên có cho vợ chồng chị mượn 7 công đất lúa canh tác được hai vụ, vợ chồng chị chi phí xong vẫn còn dư và dành dụm mua được 14 chỉ vàng 24k (9999), ngoài ra vợ chồng chị cũng không có nghề gì kiếm thêm thu nhập khác. Vợ chồng chị đã lấy 14 chỉ vàng 24k nhận chuyển nhượng được một công đất lúa vào năm 2014 không có làm giấy tờ gì canh tác được một vụ lúa thì vợ chồng mâu thuẫn anh Đ đã tự ý bán hết công đất này lấy hết 14 chỉ vàng 24k, ngoài ra không có tài sản khác.

Về nợ chung: Chị xác nhận vợ chồng chị không có thiếu nợ ai.

Nguyên vọng: Về quan hệ hôn nhân chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Danh Đ. Về con chung chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, về tài sản chung yêu cầu chia đôi số vàng 14 chỉ 24k (9999), về nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Danh Đ thống nhất một phần yêu cầu khởi kiện của chị Thị H về thời gian kết hôn, về con chung, về tài sản chung theo lời trình bày của chị H là đúng và thừa nhận trong thời gian sống chung với nhau không có thiếu nợ ai hết.

Nguyên vọng: Về quan hệ hôn nhân anh không đồng ý ly hôn với Thị H vì lý do hiện tại còn thương vợ thương con nên anh yêu cầu vợ chồng đoàn tụ, đồng thời việc vợ anh khởi kiện ly hôn quá bất ngờ nên anh chưa quyết định được, nếu vợ cương quyết ly hôn thì về phần con chung anh yêu cầu được quyền nuôi con, anh không yêu cầu cấp dưỡng, về tài sản chung anh thừa nhận có bán một công đất lúa được 14 chỉ vàng 24k (9999), bán trong thời gian vợ chồng đã ly thân, nhưng số vàng này anh đã tự chi xài cá nhân hết không còn nên không đồng ý chia đôi, về nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã đ-ợc thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị H xác lập quan hệ hôn nhân với anh Danh Đ vào ngày 01/3/2012, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/3/2012, cho nên theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch” thì hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị H xin được ly hôn với anh Đ vì lý do anh Đ không quan tâm chăm sóc khi chị H bị bệnh mà bỏ mặc vợ con về sống cùng cha mẹ ruột từ năm 2014 cho đến nay, nay chị H xét thấy sống với anh Đ không có hạnh phúc nên khởi kiện ra tòa xin ly hôn với anh Đ, Tòa án đã tiến hành hòa giải

nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa hôm nay chị H đã tỏ rõ thái độ không còn thương yêu gì đối với anh Đ nữa nên cương quyết ly hôn với anh Đ, còn anh Đ thì cho rằng hiện tại còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được” nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[2.] Về con chung: Chị H và anh Đ đều khai có một người con chung tên Danh Thị Bé N, sinh ngày 28/8/2013 hiện nay chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục chị H và anh Đ đều có nguyện vọng muốn được nuôi con, HĐXX xét thấy từ khi anh, chị ly thân cho đến nay chị H là người trực tiếp nuôi con, tình cảm mẹ con đã thực sự gắn bó hơn nữa con chung là con gái thì quá trình phát triển tâm sinh lý sau này cần được người mẹ trực tiếp chăm sóc, giáo dục sẽ đảm bảo hơn, đồng thời tại phiên tòa anh Đ cũng thừa nhận trong thời gian ly thân từ năm 2014 cho đến khi chị H ly hôn anh cũng không có tới lui thăm con lần nào; từ đó căn cứ vào khoản 2 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật và đảm bảo quyền được thăm con của anh Đ.

Chị H yêu cầu anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, yêu cầu này của chị H là chính đáng theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”. Vì anh Đ không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tên Danh Thị Bé N, sinh ngày 28/8/2013 mỗi tháng bằng 650.000đồng (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng) cho đến khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính từ ngày 30/9/2017.

[3.] Về tài sản chung: Chị H và anh Đ đều xác nhận trong thời gian sống chung với nhau anh chị có mua được một công đất ruộng trị giá 14 chỉ vàng 24k (9999). Sau khi ly thân anh Đ là người trực tiếp canh tác đất và anh Đẹp đã tự ý bán hết một công đất lúa này cho người khác với giá 14 chỉ vàng 24k (9999) nhưng không có làm giấy việc này được anh Đ thừa nhận nhưng anh cho rằng số vàng này anh đã chi xài cá nhân hết không còn nên không đồng ý chia đôi cho chị H là chưa phù hợp. Tại phiên tòa cả chị H và anh Đ thống nhất giá vàng 24k một chỉ bằng giá 3.300.000đồng. HĐXX xét thấy trong số 14 chỉ vàng này là tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 khi ly hôn được chia đôi nên anh Đ và chị H mỗi người được trọn quyền sở hữu 7 chỉ. Do anh Đ đã bán chỉ xài hết 14 chỉ vàng nên anh Đ phải có nghĩa vụ giao lại cho chị H 7 chỉ vàng 24k (9999) là phù hợp với quy định pháp luật.

[4.] Về nợ chung: Chị H và anh Đ xác nhận trong thời gian sống chung anh chị không có thiếu nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không xem xét.

[5.] Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000đồng chị H phải nộp do chị có yêu cầu ly hôn.

Án phí cấp dưỡng bằng 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh Đ phải chịu nộp.

Án phí chia tài sản chung là: $14 \text{ chỉ} \times 3.300.000\text{đ} \times 5\% = 2.310.000\text{đồng}$. Trong đó chị Thị H phải nộp 1.155.000đồng (một triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 577.000đồng theo biên lai thu số 0005310 ngày 14/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, chị H còn phải nộp thêm 578.000đồng (Năm trăm bảy mươi tám nghìn đồng). Buộc anh Đ phải chịu 1.155.000đồng (một triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 59, khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 82, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Thị H được ly hôn với anh Danh Đ.

2. Về con chung: Giao Danh Thị Bé N, sinh ngày 28/8/2013 cho chị Thị H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Buộc anh Danh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng bằng 650.000đồng (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng) cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính từ ngày 30/9/2017.

Khi cần thiết anh chị có quyền yêu cầu xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Không ai có quyền cản trở việc anh Đ tới lui thăm nom chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung:

Chia cho anh Danh Đ được trọn quyền sở hữu 7 (bảy) chỉ vàng 24k (9999) hiện anh đang quản lý.

Chia cho chị Thị H được quyền sở hữu 7 (bảy) chỉ vàng 24k (9999). Buộc anh Danh Đ phải có nghĩa vụ giao lại cho chị Thị Hà 7 (bảy) chỉ vàng 24k (9999).

4. Về nợ chung: Miễn xét.

5. Về án phí HNST: Là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Thị H phải nộp nh- ng đ- ợc khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước đây là 300.000đồng theo biên lai thu số 0005311 ngày 14/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Án phí chia tài sản chung là $14 \text{ chỉ} \times 3.300.000đ \times 5\% = 2.310.000đ$. Trong đó, buộc chị Thị H phải nộp 1.155.000đồng (một triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 577.000đồng theo biên lai thu số 0005310 ngày 14/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, chị H còn phải nộp thêm 578.000đồng (Năm trăm bảy mươi tám nghìn đồng). Buộc anh Danh Đ phải nộp 1.155.000đồng (một triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Án phí cấp dưỡng bằng 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh Đ phải chịu nộp.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 17/8/2017.

“Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9, Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- Tòa án tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND xã B;
- Các đ-ơng sự;
- L-ụ hồ sơ.

(Đã ký)

Danh Thị Kiều Oanh